

TỜ TRÌNH CHỦ TRƯỞNG

Mua sắm phôi thẻ, ấn phẩm và dịch vụ thẻ VCCS

Kính gửi: Tổng Giám đốc;
Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân.

- Căn cứ kế hoạch kinh doanh/ thay thế thẻ VCCS năm 2020 và dự kiến năm 2021;

Trung tâm thẻ kính trình Tổng Giám đốc phê duyệt chủ trương chi tiêu/mua sắm phôi thẻ, ấn phẩm và dịch vụ thẻ VCCS, chi tiết như sau:

I. TRÌNH DUYỆT CHỦ TRƯỞNG

1. Lý do mua sắm

Năm 2020		Năm 2021	Thay thế (**)	Mua sắm bổ sung tối thiểu (***) (5)=(1)-(2)+(3)+(4)
Kế hoạch (1)	Đã phát hành (*) (2)	Kế hoạch (3)		
20,000	14,258	20,000	~2,000	~27,500

(*) Chốt số liệu ngày 25/9/2020, trong đó có 783 thẻ VCCS đã phát hành, dự kiến trong tháng 10 thay thế thẻ từ sang thẻ VCCS cho 13,475 khách hàng (đảm bảo 60% thẻ nội địa đang lưu hành là thẻ VCCS)

(**) TTT ước tính tỷ lệ thay thế 3% trên thẻ đang lưu hành và năm 2021 sẽ không phát sinh thẻ gia hạn (từ 01/2018 đến 25/8/2020 thẻ phát hành không có thời hạn), trong đó gia hạn thẻ gia hạn năm 2020 được tính vào kế hoạch năm 2020.

(***) Số lượng trên chưa bao gồm thẻ thanh toán quốc tế VISA Debit và Thẻ phát hành/ thay thế bởi Kênh bán Plus.

2. Nội dung công việc chi tiêu mua sắm

Đơn vị tính: đồng

TT	Ngân sách tương ứng	Mô tả tên hàng hóa/dịch vụ	Quy cách kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến
Phôi thẻ						
1	Phôi thẻ ghi nợ (Magstripe + VCCS + VISA)	Phôi thẻ thanh toán - E-Plus	Theo quy cách đính kèm tờ trình này.	28,000	41,500	1,162,000,000
Cá thẻ hóa thẻ						
1	Cá thẻ hóa thẻ ghi nợ (VCCS + VISA)	Chi phí cá thẻ hóa thẻ VCCS	Bao gồm chi phí cá thẻ hóa thẻ và chi phí lồng gập, in tiêu đề,... như hợp đồng cung cấp dịch vụ cá thẻ hóa thẻ số 042020/MKS-VCCB (*)	28,000	13,959	390,852,000
Ấn phẩm thẻ						
1	Ấn phẩm thẻ ghi nợ (Magstripe +	Ấn phẩm thẻ thanh toán - E-Plus Bao thư thẻ	Theo Quy cách đính kèm tờ trình này.	30,000	875	26,250,000

TT	Ngân sách tương ứng	Mô tả tên hàng hóa/dịch vụ	Quy cách kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến
2	VCCS + VISA)	Ấn phẩm thẻ thanh toán - E-Plus Card Mailer		30,000	990	29,700,000
3	Ấn phẩm thẻ dùng chung (bao thư PIN, PIN Mailer, bao thư Sao kê, Sticker...)	Ấn phẩm thẻ dùng chung - Bao thư có cửa sổ		30,000	875	26,250,000
4		Ấn phẩm thẻ dùng chung - PIN Mailer		30,000	760	22,800,000
Tổng cộng						1,657,852,000

(*) Hợp đồng cung cấp dịch vụ cá thể hóa thẻ số 042020/MKS-VCCB ngày 15/04/2020 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt và Chi nhánh Công ty cổ phần thông minh MK

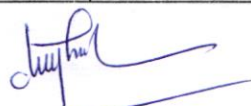
- **Lý do chi tiêu/mua sắm:** Như Điều 1.
- **Chi phí thực hiện:** 1,657,852,000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn, đã bao gồm 10% thuế VAT)
Trong đó:
 - Trong kế hoạch: 1,534,276,250 đồng
 - Ngoài kế hoạch: 123,575,750 đồng
- **Đơn vị chịu chi phí:** Đơn vị kinh doanh phát hành thẻ theo thực tế hoặc TTT.
- **Hình thức mua sắm:** ☒ Theo quy định BVB ☐ Khác
- **Nội dung khác:** Đối với PIN Mailer và Bao thư có cửa sổ (để bỏ PIN Mailer), TTT sẽ theo dõi tồn kho thực tế và tiến độ dự án ePIN và thực hiện đặt hàng theo thực tế phát sinh.

3. Hạng mục ngân sách

ĐVT: đồng

TT	Hạng mục ngân sách	Ngân sách được duyệt	Đã sử dụng	Còn lại	Số tiền trình sử dụng	Ngân sách còn lại dự kiến
		(a)	(b)	(c)=(a)-(b)	(d)	(e)=(c)-(d)
1	Phôi thẻ ghi nợ (Magstripe + VCCS + VISA)	1,524,000,000	362,000,000	1,162,000,000	1,162,000,000	0
2	Cá thể hóa thẻ ghi nợ (VCCS + VISA)	394,000,000	97,548,000	296,452,000	390,852,000	-94,400,000
3	Ấn phẩm thẻ ghi nợ (Magstripe + VCCS + VISA)	115,000,000	72,069,250	42,930,750	55,950,000	-13,019,250
4	Ấn phẩm thẻ dùng chung (bao thư PIN, PIN Mailer, bao thư Sao kê, Sticker...)	177,571,000	144,677,500	32,893,500	49,050,000	-16,156,500
Tổng cộng		2,210,571,000	676,294,750	1,534,276,250	1,657,852,000	-123,575,750

Xác nhận của Đơn vị quản lý Ngân sách:



Dương Thuý Loan

II. ĐIỀU CHUYỂN NGÂN SÁCH

NGÂN SÁCH CHUYỂN							NGÂN SÁCH NHẬN							
T T	Hạng mục kế hoạch	Ngân sách trước khi điều chuyển		Số tiền điều chuyển	Ngân sách sau khi điều chuyển		Hạng mục kế hoạch	Ngân sách trước khi nhận điều chuyển		Số tiền nhận điều chuyển	Ngân sách sau khi nhận điều chuyển			
		Được duyệt	Còn lại		Được duyệt	Còn lại			Được duyệt	Còn lại		Được duyệt	Số tiền trình sử dụng	Còn lại dự kiến sau khi trình sử dụng
		(a)	(b)	(c)	(d)=(a)-(c)	(e)=(b)-(c)		(f)	(g)	(h)=(c)	(i)=(f)+(h)	(j)	(k)=(g)+(h)-(j)	
1	Khởi tạo Outsource cá thẻ hóa thẻ VISA Debit	250,000,000	250,000,000	94,400,000	72,580,750	72,580,750	Cá thẻ hóa thẻ ghi nợ (VCCS + VISA)	2,470,000,000	296,452,000	94,400,000	2,564,400,000	390,852,000	-	
2				13,019,250			Ấn phẩm thẻ ghi nợ (Magstripe + VCCS + VISA)	678,000,000	42,930,750	13,019,250	691,019,250	55,950,000	-	
3				70,000,000			Ấn phẩm thẻ dùng chung (bao thư PIN, PIN Mailer, bao thư Sao kê, Sticker...)	207,000,000	32,893,500	70,000,000	277,000,000	49,050,000	53,843,500	
Tổng cộng		250,000,000	250,000,000	177,419,250	72,580,750	72,580,750		3,355,000,000	372,276,250	177,419,250	3,532,419,250	495,852,000	53,843,500	
Xác nhận của Đơn vị chuyển Ngân sách (*)														
Xác nhận của Đơn vị quản lý Ngân sách (*)														

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Trung tâm thẻ.

NGƯỜI LẬP

Đoàn Minh An

TRUNG TÂM THẺ

Giang Tú Sang

PHÒNG TÀI CHÍNH

Trần Thị Mai Hoa

Phát GIÁM ĐỐC KHỎI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Loại thẻ	Tiêu chuẩn
Phôi thẻ	Thông số kỹ thuật của phôi thẻ được mô tả dưới đây hoặc tương đương: 1. Nguồn gốc xuất xứ: Được hiệp hội sản xuất thẻ quốc tế ICMA/ hoặc tổ chức thẻ VISA/ MC/ JCB/ UPI/ NAPAS cho phép sản xuất thẻ (CERTIFICATE) 2. Chất liệu: PVC Laminated có độ bền và độ chống xước cao, có lớp phủ Laminated được ép trên bề mặt bảo vệ chống trầy xước, không bong tróc. 3. Kích thước: Theo chuẩn CR80 đúng thiết kế 85.725 x 53.975 (dài x rộng) 4. Độ dày: 0.84 mm +/- 0.02 mm 5. Băng từ theo chuẩn HiCo 6. Dải băng chữ ký: theo đúng thiết kế và chuẩn của VISA/ MC/ JCB/ UPI/ NAPAS 7. Hologram theo tiêu chuẩn của VISA/ MC/ JCB/ UPI/ NAPAS 8. Công nghệ in: In Offset hai mặt, thẻ cán mờ, phủ nhũ. 9. Các thiết kế đồ họa liên quan đến thương hiệu theo thiết kế của Ngân hàng và tổ chức thẻ VISA/ MC/ JCB/ UPI/ NAPAS phê duyệt
Tiêu chuẩn thẻ chip EMV	Tiêu chuẩn kỹ thuật thẻ chip EMV được mô tả dưới đây hoặc thông số cấu hình tương đương: 1. Thông số kỹ thuật chip: - OS: JC 2,2,1, GP 2,1,1 (Golbal Platform) - CPU: 8bit - RAM 7,5Kb - ROM: 264Kb - EEPROM: ≥16Kb 2. Truyền thông chuẩn T=0/1 - Điện áp: 3-5v - Xung nhịp: 1-5MHz - Nhiệt độ: -25 – 85°C 3. Tốc độ truyền dữ liệu: 9,600 -115,200 b/s 4. Hỗ trợ xác thực: SDA/DDA 5. Bảo mật: - DES/3DES, RSA, SEED - Giao tiếp PLI: PKCS#11, MSCAPI - Thuật toán hash: SHA-1, MD5 - Ứng dụng trên ROM • VSDC v2,8,1 • M/chip 4 Select/Advance • Miface Access Applet 6. Hợp chuẩn ISO 7816-3 7. Môi trường bảo mật theo tiêu chuẩn ISO 7816-8 8. Hỗ trợ file log trên chip

NGƯỜI LẬP

Đoàn Minh An

PHÊ DUYỆT

Giang Tú Sang

QUY CÁCH IN ẢN PHẨM THẺ

(Cập nhật ngày 25/9/2020)

STT	Hạng mục	Quy cách	Thẻ áp dụng
1	Card mailer	Kích thước: 21x30cm Loại giấy: Ford 120 gsm In: Offset 4 màu, 2 mặt Cần răng cưa theo mẫu thiết kế	Thẻ VISA Classic Thẻ VISA Platinum Thẻ VISA Lifestyle Thẻ JCB Standard Thẻ JCB Gold Thẻ JCB Platinum Thẻ JCB Travel Thẻ JCB 7Eleven Thẻ VISA Debit Thẻ VCCS Thẻ NAPAS Credit
2	Hướng dẫn sử dụng	Kích thước: 21x30cm Loại giấy: Couche 150 gsm In: Offset 4 màu, 2 mặt Cần xếp 3	Thẻ VISA Classic Thẻ VISA Platinum Thẻ VISA Lifestyle Thẻ JCB Standard Thẻ JCB Gold Thẻ JCB Platinum Thẻ JCB Travel Thẻ JCB 7Eleven Thẻ VISA Debit Thẻ NAPAS Credit
3	Bao thư thẻ thường	Kích thước: 24x12cm Loại giấy: Ford 100 gsm In: Offset 4 màu Bế xếp thành phẩm theo thiết kế Cửa sổ trái: 11.2x3.7cm, kiếng dày 1,4 zem Dán keo nắp	Thẻ Visa Classic Thẻ Visa Lifestyle Thẻ JCB Standard Thẻ JCB Gold Thẻ JCB 7Eleven Thẻ VISA Debit Thẻ VCCS Thẻ NAPAS Credit Bao thư Sao kê, Bao thư PIN Mailer, khác
4	Bao thư thẻ Platinum	Kích thước: 24x12cm Loại giấy: Notturo 200 gsm Ép kim xanh theo mẫu Bế xếp thành phẩm theo thiết kế Cửa sổ trái: 11.2x3.7cm, kiếng dày 1,4zem Dán keo nắp	Thẻ VISA Platinum Thẻ VISA Corporate Thẻ JCB Platinum Thẻ JCB Travel

Ngân hàng Bản Việt

5	Hộp đựng thẻ	Kích thước: 17x25cm Giấy C in offset (theo file thiết kế) In ép kim logo (theo file thiết kế) Hộp nam châm Ví đựng namecard: Quy cách 01 ngăn, simili, dập logo simili Seal dán hộp decal trong (theo thiết kế): đường kính 1.7cm	Thẻ VISA Corporate
6	Card mailer (cho hộp thẻ)	Kích thước: 13x21cm (In 1 tờ 2 mặt) Giấy C 150gsm In offset 4 màu 2 mặt	Thẻ VISA Corporate
7	Card mailer (cho phong bì)	Kích thước: 21x19.8cm (cân giữa) Giấy C 150gsm In offset 4 màu 2 mặt	Thẻ VISA Corporate
8	Hướng dẫn sử dụng thẻ doanh nghiệp	Kích thước: 39x21cm (gấp 3) In offset 4 màu 2 mặt, cân 2	Thẻ VISA Corporate
9	PIN Mailer	Kích thước: 102x210 mm Hình thức: Vi tính liên tục Giấy Carbonless 01 bộ 03 liên (theo thiết kế) Dán keo 4 cạnh liên tục 2 và 3 Đóng số nhảy (theo yêu cầu)	Tất cả các loại thẻ
10	Sticker dán thẻ	Kích thước: 5.5x2.5 cm Loại 6.000 sticker/cuộn	Tất cả các loại thẻ

PHÒNG TH&QHCC



Chu Quỳnh Hoa